

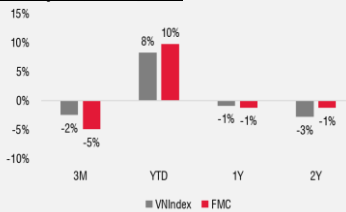
## Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC: HOSE)

**Ngày báo cáo:** 09/08/2024  
**Ngành:** THỦY SẢN  
**CVPTCC:** Trần Thùy Trang, BFP ACA  
**Email:** [trangtt2@ssi.com.vn](mailto:trangtt2@ssi.com.vn)  
**Tel:** +84-24 3936 6321 ext. 8705

**Khuyến nghị:** **KHẢ QUAN**  
**Giá mục tiêu 1Y:** **55.400 Đồng**  
**Giá CP ngày 09/08/2024:** 47.550 Đồng  
**% Tăng giá:** **+16,5%**

**Giá trị vốn hoá (triệu USD):** 124  
**Giá trị vốn hoá (tỷ đồng):** 3.109  
**Số cổ phiếu lưu hành (triệu):** 65  
**KLGD trung bình 3 tháng (cp):** 51.252  
**Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ):** 52,6/39,9  
**GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng):** 2,6  
**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%):** 31,6  
**Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):** 2,5

### Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

### Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC: HOSE) được thành lập năm 1996, tiền thân là công ty 100% vốn nhà nước tại tỉnh Sóc Trăng. FMC hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu tôm và rau quả đông lạnh sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu và Hàn Quốc. Thế mạnh của công ty nằm ở các sản phẩm có giá trị gia tăng. Tính đến năm 2022, công ty sở hữu tổng diện tích nuôi trồng là 525 ha. Công suất chế biến tôm hiện tại của FMC đạt 45.000 tấn/năm. Khang An Food là công ty con của FMC tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp.

## Biên lợi nhuận gộp cải thiện ổn định

**Luận điểm đầu tư:** Trong Q2/2024, FMC đã công bố doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 1,2 nghìn tỷ đồng (+20,3% svck) và 83 tỷ đồng (+10% svck). Kết quả này khá ấn tượng khi xét đến kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước vẫn đi ngang svck trong Q2/2024. Chúng tôi cho rằng chủ yếu là do biên lợi nhuận gộp cải thiện ổn định, lợi nhuận của FMC tăng 46% so với quý trước. FMC kiểm soát chi phí tốt nhờ vùng nuôi mới tại Vĩnh Thuận hoạt động hiệu quả hơn và có tỷ lệ nuôi thành công cao hơn. Chúng tôi lưu ý rằng tỷ lệ nuôi thành công của FMC là 80%, cao hơn đáng kể so với mức trung bình của cả nước là 50%. Trong nửa cuối năm 2024, ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng và giá bán bình quân cao hơn so với nửa đầu năm 2024 do tác động của tính mùa vụ. Đối với năm 2024, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và NPATMI sẽ lần lượt đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (+16% svck) và 312 tỷ đồng (+13% svck). Đối với năm 2025, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và NPATMI lần lượt đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (+9,1% svck) và 362 tỷ đồng (+16% svck). Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm là **55.400 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá 16,5%) và tiếp tục khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu FMC.

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	4.415	5.199	5.702	5.087	5.892	6.428
NPATMI	226	287	321	302	343	398
Tăng trưởng NPATMI (% YoY)	-1,7%	27,0%	11,9%	-5,8%	13,5%	16,1%
EPS (VND)	4.607	4.080	4.726	4.221	4.775	5.542
ROE (%)	21,6%	18,8%	15,7%	13,9%	14,7%	15,4%
Tỷ suất cổ tức (%)	7,7%	4,8%	6,5%	4,4%	4,1%	4,1%
Nợ/VCSH (%)	0,41	0,21	0,24	0,37	0,3	0,25
P/E (x)	7,01	10,17	6,49	10,66	10,0	8,0
P/B (x)	1,47	1,52	1,04	1,45	1,45	1,31
EV/EBITDA (x)	5,34	6,04	4,42	6,16	5,08	4,65

Nguồn: FMC, SSI Research

## KQKD Q2/2024

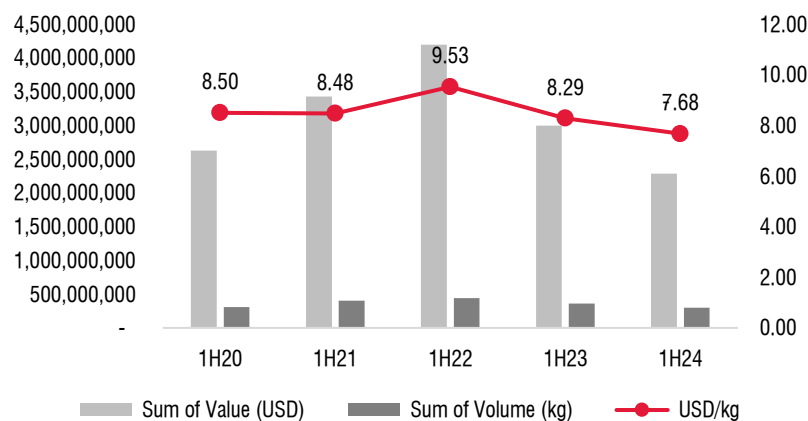
Tỷ đồng	2024	2023	YoY	1Q24	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2024	2023	1Q24	2023
Doanh thu thuần	1.243	1.033	20,3%	1.461	-14,9%	52%				
Lợi nhuận gộp	141	88	60,5%	96	45,9%		11,3%	8,5%	6,6%	9,7%
Lợi nhuận hoạt động	84	79	6,1%	57	46,9%		6,8%	7,7%	3,9%	6,5%
EBIT	89	84	5,5%	62	43,8%		7,1%	8,1%	4,2%	6,5%
EBITDA	158	151	4,8%	106	49,0%		12,7%	14,6%	7,3%	9,6%
Lợi nhuận trước thuế	84	78	7,7%	57	45,7%	44%	6,7%	7,5%	3,9%	6,0%
Lợi nhuận ròng	83	76	9,6%	57	45,8%		6,7%	7,4%	3,9%	5,9%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	66	71	-6,8%	50	33,4%		5,3%	6,9%	3,4%	5,4%

Nguồn: FMC, SSI Research

Cơ cấu doanh thu	2023	1Q24	2Q24	% YoY	% QoQ
<b>Doanh thu tôm (triệu đồng)</b>	1.000.105	1.425.821	1.210.889	21%	-15%
Sản lượng (tấn)	3.334	4.272	4.084	22%	-4%
Giá bán bình quân (nghìn đồng/kg)	300	334	296	-1%	-11%
<b>Doanh thu nông sản (triệu đồng)</b>	32.650	34.894	31.910	-2%	-9%
Sản lượng (tấn)	293	336	290	-1%	-14%
Giá bán bình quân (nghìn đồng/kg)	112	104	110	-1%	6%
<b>Cơ cấu giá vốn hàng bán</b>					
Tôm (triệu đồng)	929.083	1.334.729	1.080.754	16%	-19%
Nông sản (triệu đồng)	15.136	29.632	21.496	42%	-27%
<b>Cơ cấu biên lợi nhuận gộp</b>					
Tôm	7,1%	6,4%	10,7%	365	436
Nông sản	53,6%	15,1%	32,6%	-2101	1756

Nguồn: FMC, SSI Research

## Giá trị, sản lượng nhập khẩu tôm của thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: NOAA, SSI Research

Trong Q2/2024, FMC đã công bố doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 1,24 nghìn tỷ đồng (+20,3% svck) và 83 tỷ đồng (+10% svck). Kết quả này cao hơn ước tính sơ bộ của chúng tôi do kết quả cao hơn kỳ

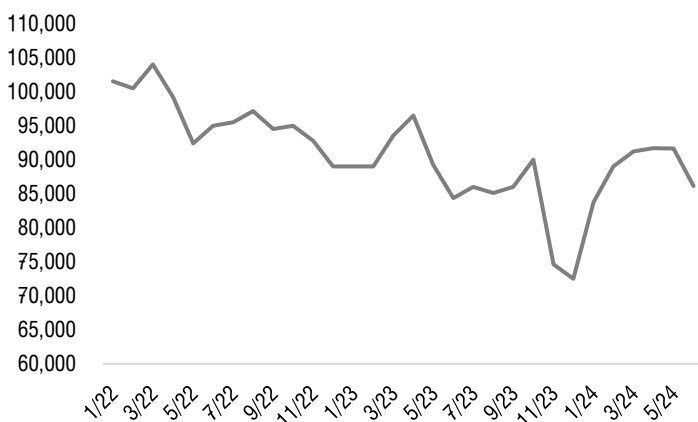
vọng từ công ty con, Khang An. FMC ghi nhận 22,7 tỷ đồng lãi tỷ giá hối đoái trong Q2/2024 so với chỉ 3,5 tỷ đồng trong Q2/2023. Thị trường Nhật Bản chiếm hơn 40% tổng doanh thu. Đòi với doanh thu xuất sang Nhật Bản được thanh toán bằng đồng USD nên việc đồng JPY mất giá không ảnh hưởng đến công ty. Chúng tôi lưu ý rằng FMC đã nhận được khoản hoàn thuế chống bán phá giá 47 tỷ đồng trong Q2/2023. Nếu loại trừ khoản thu bất thường này trong năm trước, lợi nhuận ròng cốt lõi sẽ tăng mạnh 185% svck trong Q2/2024, từ mức nền lợi nhuận thấp trong Q2/2023. Lũy kế nửa đầu năm 2024, công ty ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 2,7 nghìn tỷ đồng (+32,4% svck) và 140,6 tỷ đồng (+12,8% svck), NPATMI đạt 116 tỷ đồng (+1% svck). Theo đó, công ty đã hoàn thành 52% và 44% kế hoạch doanh thu thuần và LNTT năm 2024.

Trong Q2/2024, doanh thu tôm đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (+21% svck) nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 22% svck trong khi giá bán trung bình vẫn duy trì ổn định. Đây là một tín hiệu khá đáng khích lệ trong bối cảnh nhu cầu tôm toàn cầu đang suy giảm, đặc biệt là tại Hoa Kỳ - ghi nhận giá trị nhập khẩu tôm và giá bán trung bình lần lượt giảm 24% và 7% svck trong nửa đầu năm 2024 do dư cung từ Ấn Độ và Ecuador. Kim ngạch xuất khẩu tôm nuôi tại Việt Nam cũng đi ngang svck trong Q2/2024. Vì các mặt hàng xuất khẩu chính của FMC bao gồm nhiều sản phẩm giá trị gia tăng sang thị trường Nhật Bản, nên công ty đã nỗ lực duy trì giá bán bình quân tại thị trường này, đồng thời vẫn đạt được mức tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ. Trong nửa cuối năm 2024, ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng và giá bán bình quân cao hơn so với nửa đầu năm 2024 do tác động của tính mùa vụ.

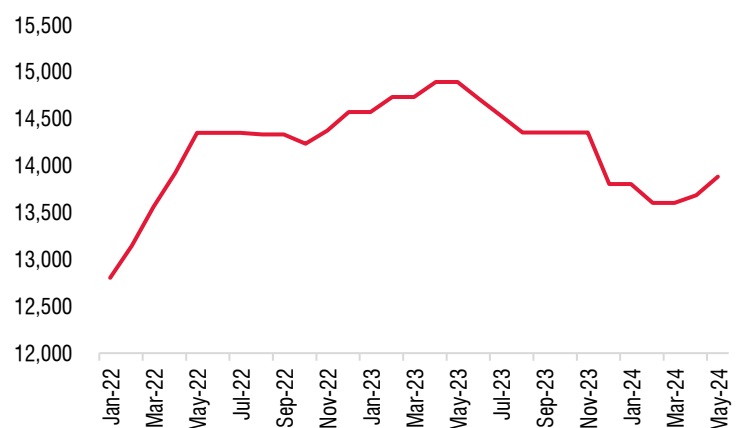
Biên lợi nhuận gộp đạt 11,3% (+365 điểm cơ bản svck và +436 điểm cơ bản so với quý trước), trong khi giá bán bình quân tôm vẫn duy trì ổn định. Chúng tôi cho rằng FMC kiểm soát tốt chi phí là nhờ vùng nuôi mới tại Vĩnh Thuận (chiếm 40% tổng diện tích nuôi của FMC) có tỷ lệ nuôi thành công cao hơn đáng kể. Cụ thể, tỷ lệ nuôi thành công của các vùng nuôi của FMC là 80%, cao hơn mức trung bình cả nước là 50%. Ngoài ra, chi phí thức ăn thủy sản, chiếm gần 60% chi phí giá vốn hàng bán cũng giảm 7% svck trong Q2/2024.

Tỷ lệ SG&A/Doanh thu tăng mạnh lên 6,4% trong Q2/2024 so với 1,1% trong Q2/2023 do: (i) công ty nhận được khoản hoàn thuế chống bán phá giá bất thường trong Q2/2023; và (ii) chi phí vận chuyển tăng 89% svck trong Q2/2024. Theo đó, biên lợi nhuận ròng giảm 6,7% trong Q2/2024 (từ 7,4% trong Q2/2023) mặc dù biên lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể.

Giá tôm nguyên liệu (đồng/kg)



Giá bán bình quân thức ăn thủy sản (đồng/kg)



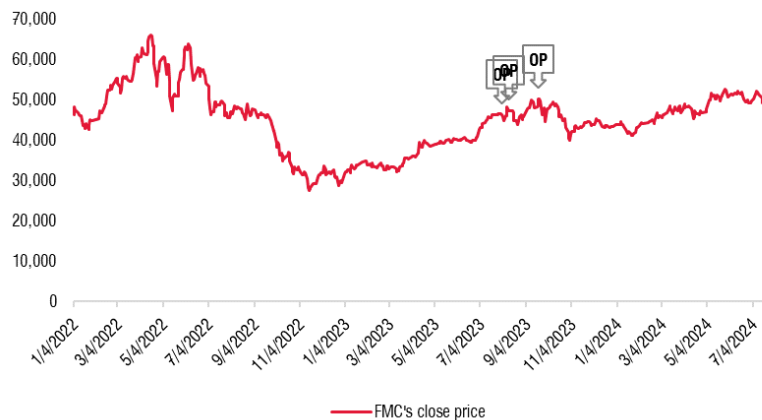
Nguồn: VASEP, Agromonitor, SSI Research

## Định giá và luận điểm đầu tư

Đối với năm 2024, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và NPATMI sẽ lần lượt đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (+16% svck) và 312 tỷ đồng (+13% svck). Theo đó, doanh thu thuần và NPATMI nửa cuối năm 2024 ước tính tăng trưởng lần lượt là 5% và 20% svck. Trong nửa cuối năm 2024, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ đạt 11,5%, cao hơn một chút so với mức của Q2/2024 nhờ giá bán cải thiện và cao hơn mức 10,6% trong nửa cuối năm 2023. Đối với năm 2025, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và NPATMI sẽ lần lượt đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (+9,1% svck) và 362 tỷ đồng (+16% svck), với giá định sản lượng tiêu thụ tôm tăng 8% svck và giá bán bình quân tăng 2% svck.

Tại mức giá 47.550 đồng/cổ phiếu, cổ phiếu FMC đang giao dịch ở mức P/E năm 2024 và 2025 lần lượt là 10,0x và 8,6x. Chúng tôi áp dụng mức P/E mục tiêu 10x để ước tính lợi nhuận cho năm 2025 và đưa ra mức giá mục tiêu 1 năm là **55.400 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 16,5%). Với kết quả ấn tượng trong thời gian gần đây cùng với sự phục hồi mạnh từ thị trường Nhật Bản, chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu FMC.

### Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	585	492	744	1.046
+ Đầu tư ngắn hạn	11	274	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	280	280	324	353
+ Hàng tồn kho	929	1.000	1.151	1.249
+ Tài sản ngắn hạn khác	72	86	100	109
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.877</b>	<b>2.132</b>	<b>2.319</b>	<b>2.758</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	419	848	779	556
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	446	79	79	79
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	248	285	328	356
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>1.112</b>	<b>1.212</b>	<b>1.187</b>	<b>991</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.989</b>	<b>3.344</b>	<b>3.505</b>	<b>3.749</b>
+ Nợ ngắn hạn	863	1.100	1.058	1.034
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>515</i>	<i>824</i>	<i>740</i>	<i>689</i>
+ Nợ dài hạn	10	10	1	1
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>873</b>	<b>1.110</b>	<b>1.059</b>	<b>1.035</b>
+ Vốn góp	654	654	654	654
+ Thặng dư vốn cổ phần	594	594	594	594
+ Lợi nhuận chưa phân phối	676	781	963	1.194
+ Quỹ khác	192	205	236	272
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.116</b>	<b>2.234</b>	<b>2.446</b>	<b>2.714</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.989</b>	<b>3.344</b>	<b>3.505</b>	<b>3.749</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	435	197	667	535
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-515	-455	-200	-50
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-101	163	-214	-182
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>-181</b>	<b>-95</b>	<b>252</b>	<b>302</b>
Tiền đầu kỳ	770	585	492	744
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>585</b>	<b>492</b>	<b>744</b>	<b>1.046</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,18	1,94	2,19	2,67
Hệ số thanh toán nhanh	1,02	0,95	1,01	1,35
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,69	0,7	0,7	1,01
Nợ ròng / EBITDA	-0,49	0,27	0,26	-0,26
Khả năng thanh toán lãi vay	20,03	11,8	14,37	17,68
Ngày phải thu	17,3	17,5	16,6	17
Ngày phải trả	6,3	7	7	7,2
Ngày tồn kho	67,2	76,6	74,2	76,3
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,71	0,67	0,7	0,72
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,29	0,33	0,3	0,28
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,5	0,43	0,38
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,37	0,3	0,25
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,37	0,3	0,25

Nguồn: VHC, SSI ước tính

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5.702</b>	<b>5.087</b>	<b>5.892</b>	<b>6.428</b>
Giá vốn hàng bán	-5.076	-4.594	-5.289	-5.741
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>626</b>	<b>493</b>	<b>603</b>	<b>687</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	71	73	64	53
Chi phí tài chính	-54	-61	-36	-36
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-226	-122	-194	-206
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-93	-79	-94	-103
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>324</b>	<b>304</b>	<b>341</b>	<b>396</b>
Thu nhập khác	5	1	5	6
Lợi nhuận trước thuế	328	305	347	402
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>321</b>	<b>302</b>	<b>343</b>	<b>398</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>309</b>	<b>276</b>	<b>312</b>	<b>362</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	12	26	31	36
<b>Chỉ số tài chính</b>				
EPS cơ bản (VND)	4.726	4.221	4.775	5.542
Giá trị sổ sách (VND)	29.423	31.024	33.800	37.341
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	346	333	373	426
EBITDA	435	487	641	700
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	9,7%	-10,8%	15,8%	9,1%
EBITDA	12,6%	12,0%	31,7%	9,2%
EBIT	14,0%	-3,7%	11,9%	14,5%
Lợi nhuận ròng	11,9%	-5,8%	13,5%	16,1%
Vốn chủ sở hữu	7,1%	5,6%	9,5%	10,9%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	11,1%	11,9%	4,8%	6,9%
<b>Định giá</b>				
PE	6,5	10,7	10,0	8,6
PB	1	1,5	1,4	1,3
Giá/Doanh thu	0,4	0,6	0,5	0,5
Tỷ suất cổ tức	6,5%	4,4%	4,1%	4,1%
EV/EBITDA	4,4	6,2	5	4,6
EV/Doanh thu	0,3	0,6	0,5	0,5
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11,0%	9,7%	10,2%	10,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	5,9%	6,5%	6,1%	6,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	5,6%	5,9%	5,8%	6,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	4,0%	2,4%	3,3%	3,2%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,6%	1,6%	1,6%	1,6%
ROE	15,7%	13,9%	14,7%	15,4%
ROA	11,3%	9,5%	10,0%	11,0%
ROIC	13,5%	11,6%	11,8%	12,8%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Ví mô

#### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trường

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Ngành Thủy sản

#### Trần Thùy Trang, ACA

Chuyên viên Phân tích cao cấp

trangtt2@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 24 3936 6321 ext. 8705

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baongq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

#### Hồ Hữu Tuấn Hiền, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704